



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 04 (22/01-26/01/24)

*Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội
kỳ cơ cấu Quý 1/2024*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index tạo đà hướng về ngưỡng tâm lý 1,200 điểm*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu Quý 1/2024*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *Vượt vùng tích lũy với các cây nến chạy đà và thanh khoản trung bình*
5. TIN VĨ MÔ: *Quốc hội thông qua Luật Đất đai, Luật các Tổ chức tín dụng và 02 Nghị quyết quan trọng*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bán lẻ +7.20%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index tạo đà hướng về ngưỡng tâm lý 1,200 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1181.50	2.32%
GTGD/phiên (tỷ VND)	12,993.06	-28.36%
Khối ngoại (tỷ VND)	586.18	
HNX-INDEX	229.48	-0.36%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1094.62	-36.20%
Khối ngoại (tỷ VND)	-38.70	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4839.81	1.23%	1.17%	1.79%
EU (EURO STOXX)	4448.83	-0.09%	-0.70%	-1.61%
China (SHCOMP)	2832.28	-0.47%	-1.72%	-2.83%
Japan (NIKKEI)	35963.27	1.40%	1.09%	8.42%
Korea (KOSPI)	2472.74	1.34%	-2.07%	-4.88%
Singapore (STI)	3152.29	0.40%	-1.24%	0.38%
Thailand (SET)	1382.51	0.33%	-2.19%	-1.61%
Phillipines (PCOMP)	6503.54	-0.11%	-2.10%	0.04%
Malaysia (KLCI)	1486.37	0.49%	-0.07%	2.20%
Indonesia (JCI)	7227.40	-0.35%	-0.19%	-0.14%
Vietnam (VNIndex)	1181.50	1.06%	2.32%	7.11%

TTCK VIỆT NAM

Xu hướng tăng điểm củng cố nhờ sự tích cực các cổ phiếu lớn và tiền luân chuyển

VN-Index tăng 2.3%, duy trì 4 tuần tăng điểm nhờ đà tăng từ các cổ phiếu ngân hàng. Cổ phiếu BID, VCB, CTG đóng góp 46% số điểm tăng của VN-Index. Thị trường phân hóa mạnh với 59% cổ phiếu và 7/18 ngành tăng điểm. Vận động luân chuyển dòng cổ phiếu diễn ra nhanh trong bối cảnh thanh khoản suy giảm. Các ngành Bán lẻ, Hàng cá nhân & gia dụng và Ngân hàng dẫn đầu đà tăng từ 1.4% - 5.7% trong khi Truyền thông, Bảo hiểm, Dầu khí giảm từ 1.7% - 3.5%. Khối ngoại quay lại mua ròng 28 triệu USD tuy nhiên dòng vốn nội có dấu hiệu chững trong tuần đón nhận thông tin KQKD quý IV và Quốc hội bất thường thông qua các luật quan trọng. NĐT cân nhắc giảm bớt tỷ trọng nắm giữ khi cổ phiếu tăng nhanh trong quá trình VN-Index tiến gần ngưỡng tâm lý 1,200 điểm đồng thời canh mua tại phiên rung lắc cho hoạt động giao dịch ngắn hạn.

Tính đến 19/1, 2 sàn HSX và HNX đã có 104 công ty, chiếm 13.5%, đã công bố KQKD quý IV. LNST thị trường đạt 2.4 nghìn tỷ, tăng 40.7% so với cùng kỳ 2023. 74% số công ty có KQKD lãi trong khi 63% công ty có tăng trưởng dương so cùng kỳ. Nhóm công ty có lợi nhuận tăng trưởng tốt gồm SLS, MBS, NTP, SBA, VDS trong khi các công ty dẫn đầu sụt giảm lợi nhuận gồm PGD, EVS, PSD, S4A và HVX. Các công ty sớm công bố KQKD hầu hết là các cổ phiếu vừa và nhỏ đang có chuyển biến lợi nhuận khá tốt. Hoạt động công bố KQKD quý IV sẽ tập trung trong 2 tuần tới với kỳ vọng sẽ tăng trưởng dương sau 3 quý đầu năm suy giảm.

TTCK THẾ GIỚI

KQKD quý IV tích cực chặn đà giảm các chỉ số CK Hoa Kỳ

Lãi suất Chính phủ Hoa Kỳ 10y tăng trên 4% phản ứng trước dữ liệu việc làm tốt và thông điệp cứng rắn các thành viên FED và ECB qua đó đã kéo các TTCK giảm điểm. TTCK Hoa Kỳ kịp hồi phục kết thúc chuỗi 3 phiên giảm điểm khi KQKD các công ty niêm yết tích cực. Các chỉ số CK Hoa Kỳ đi ngang trong tuần và chỉ số EU 600 giảm 0.85%. TTCK Châu Á phân hóa, Nikkei 225 duy trì đà tăng tốt 1% thì ở chiều ngược lại Shanghai kéo dài chuỗi giảm thất vọng 1.7%. Cùng với mức tăng của Trái phiếu chính phủ Hoa Kỳ, chỉ số DXY tăng 1.1%. Nhóm kim loại quý giảm trên 1% tuy nhiên chỉ số hàng hóa vẫn tăng 0.5% nhờ giá dầu phục hồi 2.4%. Một số NHTW sẽ có cuộc họp chính sách tuần tới và cũng có tác động đáng kể lên các thị trường.

GDP Trung Quốc tăng trưởng 5.2% quý IV, so với kỳ vọng 5.3%, đóng góp mức tăng 5.2% năm 2023. Trong tháng 12, doanh số bán lẻ tăng 7.4% so với kỳ vọng 8%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6.8% so kỳ vọng 6.6%. Tỷ lệ thất nghiệp ở độ tuổi 16-24 ở mức 14.9% trong tháng 12. Dữ liệu kinh tế vĩ Trung Quốc đang cho thấy sự phát triển không đồng đều và dưới mức kỳ vọng. Cùng với đó, quan chức FED và ECB đều thể hiện quan điểm điều hòa về lãi suất trong năm 2024. Ông Waller nhận định FED không vội giảm lãi suất và có thể không cắt giảm nhiều như kỳ vọng trong khi thống đốc Áo, thành viên ECB, nhận định ECB không thể đưa thông báo cắt giảm lãi suất trừ khi thấy rõ lạm phát hướng về 2%. Những thông tin này đang ảnh hưởng đến nhận định NĐT về triển vọng kinh tế thế giới và TTCK.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu Quý 1/2024

Ngày 15/01/2024, Sở GDCK Tp HCM (Hose) đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần, thông tin về cập nhật thay đổi về tỷ lệ free-float, khối lượng lưu hành các trọng số liên quan của các bộ chỉ số mà Hose đang quản lý. Ngày 02/02/2024 sẽ là ngày cuối cùng các ETF hoàn thiện việc cơ cấu theo danh mục mới mà Hose công bố và các bộ chỉ số chính thức có hiệu lực kể từ ngày 05/02/2024.

Trên cơ sở đó với số liệu tính toán tại ngày 15/01/2024 và giả định các quỹ ETF tham chiếu chỉ số Midcap, VN-100, VN-FinSelect không có sự thay đổi về danh mục hiện tại (Danh mục ETF FUEVN100 nắm giữ 70/100 cổ phiếu, FUEIP100 nắm giữ 69/100 cổ phiếu, ETF FUEDCMID nắm giữ 60/70 cổ phiếu, ETF FUEKIVFS nắm giữ 34/36 cổ phiếu), BSC Research dự báo SLCP mua/bán đối với 14 ETF đang tham chiếu theo 07 bộ chỉ với tổng quy mô 29,550 tỷ đồng đang đầu tư trên TTCK Việt Nam sẽ mua/bán các cổ phiếu với các thông tin, cụ thể như sau:

Lưu ý đối với trường hợp cổ phiếu BSI: BSI vào bộ chỉ số VN-Midcap không đồng nghĩa với việc được Quỹ ETF FUEDCMID do Dragon Capital quản lý đưa vào danh mục (Hiện ETF FUEDCMID đang mô phỏng chỉ số VN-Midcap với 60/70 cổ phiếu trong rổ). Số liệu mua/bán cổ phiếu BSI do thay đổi cơ cấu trong kỳ đánh giá của bộ chỉ số VN-FinSelect do CTQLQ Kim quản lý).

BẢNG 01: TỔNG HỢP THÔNG TIN 14 ETF NỘI TRÊN TTCK VIỆT NAM QUÝ 1/2024								
STT	Bộ chỉ số	SL Quỹ	Giá trị (tỷ VND)	SLCP thành phần bộ chỉ số	SLCP các Quỹ mô phỏng hiện tại	Thay đổi đáng chú ý trong kỳ đánh giá lần này	Kỳ đánh giá cổ phiếu tiếp theo	Công ty Quản lý Quỹ
1	Diamond	3	17,284.64	18	18		15/04/2024	Dragon Capital, Mirae, Bảo Việt
2	VN30	4	8,953.49	30	30		15/07/2024	Dragon Capital, Mirae, SSI, KIM
3	Finlead	1	2,106.73	20	21	Loại SSB	15/07/2024	SSI
4	FinSelect	1	311.60	36	34		15/04/2024	KIM
5	Midcap	1	241.71	70	60	Thêm: BSI, EVF, TLG	15/07/2024	Dragon Capital
6	VN100	2	423.23	100	69-70	Loại: GEG, SAM, TMS		Vina Capital, IPAAM
7	VNX50	2	228.96	50	50		15/04/2024	SSI, FPT Capital
Tổng		14	29,550					

Nguồn: BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu Quý 1/2024

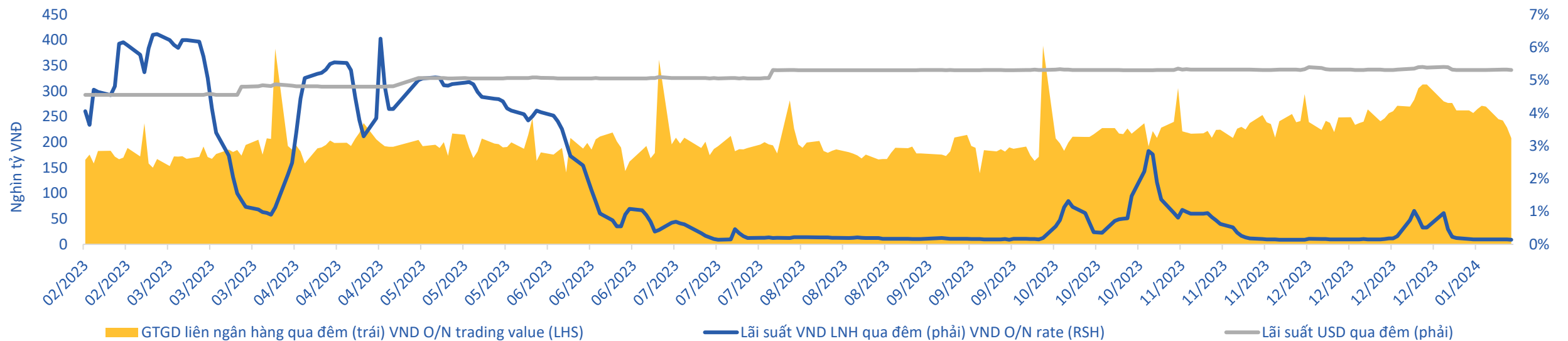
BẢNG 02: DỰ BÁO SỐ LƯỢNG MUA/BÁN CỔ PHIẾU CÁC QUỸ ETF NỘI QUÝ 1/2024

STT	Mã CK	SLCP mua/bán	STT	Mã CK	SLCP mua/bán	STT	Mã CK	SLCP mua/bán	STT	Mã CK	SLCP mua/bán
1	ACB	14,200,655	29	VJC	17,662	1	TCB	(14,366,287)	26	FTS	(18,347)
2	MWG	11,064,670	30	SZC	16,571	2	VIB	(5,487,562)	27	BSI	(17,641)
3	HDB	7,494,833	31	VIX	15,835	3	MBB	(5,469,152)	28	TCH	(15,731)
4	PNJ	4,017,637	32	PC1	15,776	4	VPB	(3,971,800)	29	BMI	(15,339)
5	STB	1,559,479	33	CMG	14,275	5	TPB	(2,544,349)	30	CTS	(14,678)
6	SSI	1,079,253	34	SHS	13,203	6	MSB	(2,537,074)	31	PDR	(11,682)
7	FPT	889,567	35	DIG	11,963	7	GMD	(2,102,859)	32	SBT	(10,711)
8	MSN	607,147	36	SJS	10,491	8	KDH	(1,877,582)	33	DBC	(10,271)
9	HPG	560,015	37	AGG	10,357	9	VHM	(1,564,476)	34	DGW	(6,770)
10	HCM	502,142	38	HDC	10,303	10	REE	(1,557,163)	35	MIG	(5,675)
11	BID	420,824	39	VHC	8,925	11	OCB	(1,381,702)	36	AGR	(5,305)
12	EIB	372,550	40	ASM	6,530	12	LPB	(1,048,400)	37	BMP	(4,804)
13	VCB	235,846	41	HHV	6,388	13	VRE	(959,188)	38	SCS	(4,338)
14	VND	219,536	42	DGC	5,875	14	CTG	(836,776)	39	VPI	(4,325)
15	VIC	148,285	43	ORS	5,624	15	SHB	(297,858)	40	FRT	(4,223)
16	SAB	131,134	44	TVS	5,418	16	SSB	(282,182)	41	KOS	(3,573)
17	VCI	125,981	45	BWE	5,217	17	BCM	(210,249)	42	CTR	(3,404)
18	BCG	113,983	46	CTD	3,944	18	SAM	(184,157)	43	PTB	(3,284)
19	DXG	55,585	47	VCG	3,779	19	POW	(76,583)	44	NT2	(3,055)
20	CII	39,633	48	HSG	3,596	20	EVF	(72,254)	45	HAG	(2,584)
21	NLG	34,861	49	DHC	2,837	21	PLX	(53,724)	46	PVT	(2,451)
22	VNM	28,336	50	VDS	2,621	22	GVR	(48,678)	47	VGC	(2,339)
23	BVH	28,083	51	HDG	1,640	23	GAS	(25,857)	48	DCM	(613)
24	PAN	26,990	52	NKG	1,591	24	DPM	(23,682)	49	IDC	(112)
25	GEX	22,918	53	AAA	777	25	BIC	(21,704)			
26	PVD	20,430	54	PHR	501						
27	KBC	19,177	55	PVS	359						
28	KDC	17,978									

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.15%	0.28%	0.51%	1.20%	3.07%	4.46%	5.74%
So với tuần trước	-0.00%	0.02%	-0.01%	-0.90%	0.05%	0.02%	0.02%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	230,941.25	12,980	4,288	4,881	6,426	220	2
So với tuần trước	-13.07%	-17.04%	-16.34%	808.14%	32.29%	202.75%	-38.46%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 18/01/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm duy trì ở mức thấp với thanh khoản giảm.

PTKT VN-INDEX: Vượt vùng tích lũy với các cây nến chạy đà và thanh khoản trung bình

Đồ thị ngày: Xu hướng tăng điểm được củng cố với 4/5 phiên tăng điểm trong tuần với 2 cây nến chỉ hướng vượt kênh tích lũy. Đường giá đang bám dải bollinger band hướng lên phía trên trong khi các chỉ báo duy trì trong vùng quá mua. Các chỉ báo kỹ thuật cải thiện cho dù thanh khoản lại có xu hướng giảm.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giữ trong vùng quá mua, tăng từ 70 lên 75.
- MACD mở rộng đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản giảm 30% so tuần trước.
- VN-Index vượt trên SMA 20, SMA 50, SMA 200 đồ thị ngày, vượt SMA200 đồ thị tuần.

Kết luận: VN-Index chính thức vượt qua kênh giá trên của mô hình hình hộp chữ nhật với cây nến chỉ hướng. Chỉ số hướng tới hoàn thành mô hình sóng 3 ngắn hạn xác lập từ tháng 11, với mức tăng kỳ vọng quanh 1,200 điểm tương đương bước sóng 1. VN-Index đang tăng điểm trong nghi ngờ. Hoạt động chốt lãi và rung lắc sẽ sớm xuất hiện khi các chỉ báo trong vùng quá mua và thanh khoản không sớm cải thiện.

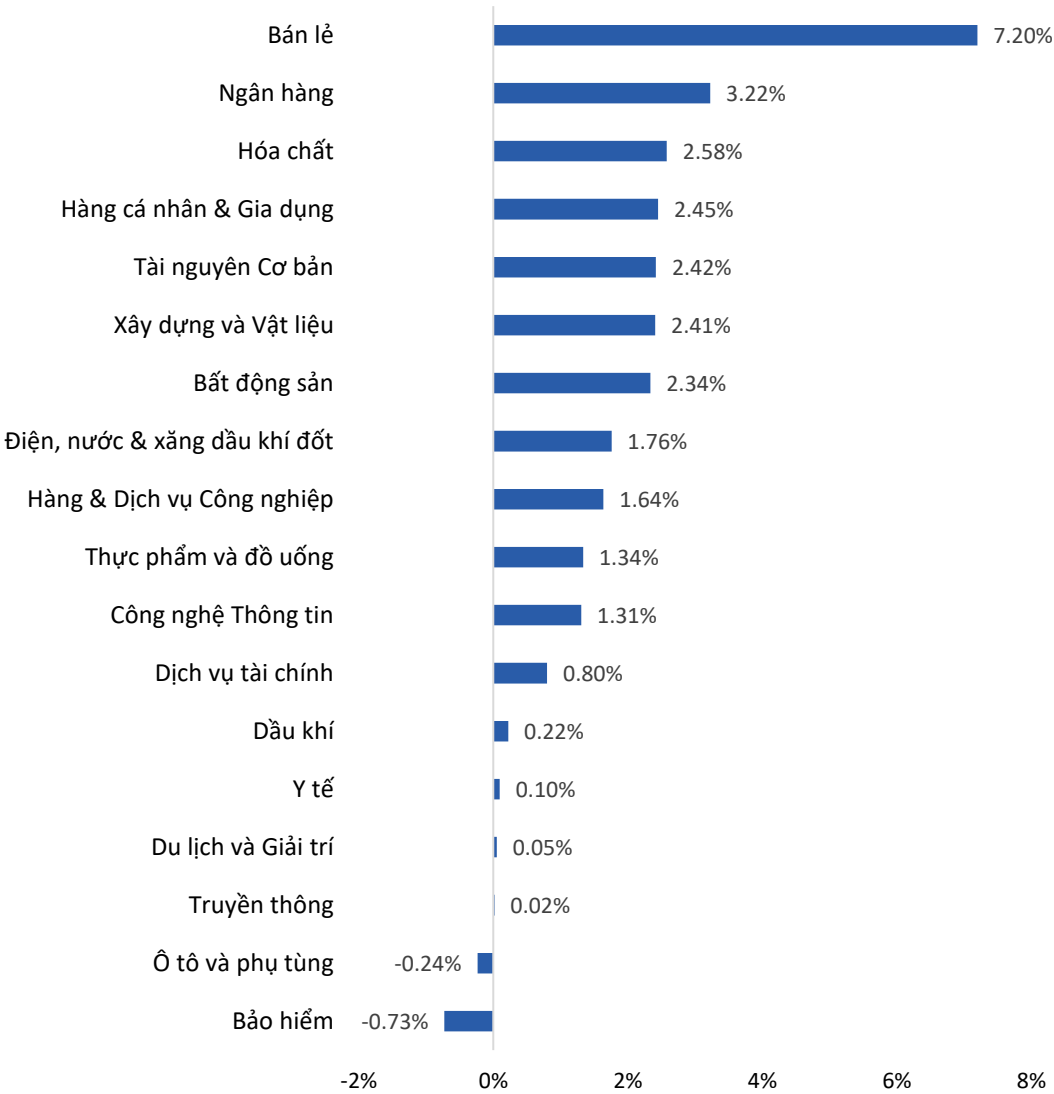


Nguồn: BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Bán lẻ	0.36%	7.20%	10.67%	MWG	-7.26%	PNJ	0.27%
Ngân hàng	2.08%	3.22%	15.16%	VCB	4.59%	VPB	-1.98%
Hóa chất	0.57%	2.58%	4.99%	DRC	0.90%	DGC	0.94%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.48%	2.45%	7.43%	TCM	1.10%	TNG	2.33%
Tài nguyên Cơ bản	0.41%	2.42%	2.75%	HPG	7.49%	HSG	10.20%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	73.41	-0.90%	1.00%	-0.20%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	78.56	-0.68%	0.34%	-0.30%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gal.	216.28	-0.95%	2.00%	0.99%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	2029.49	0.30%	-0.96%	-1.15%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	22.6216	-0.52%	-2.47%	-6.48%	PNJ	
Đậu tương	USD/bu.	1213.25	-0.02%	-0.90%	-7.12%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USD/bu.	593.25	1.32%	-0.46%	-3.73%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.79	0.89%	-0.69%	1.22%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	271.3	0.52%	4.11%	10.92%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USD/lb.	23.57	2.30%	9.07%	14.31%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USD/lb.	185.15	2.89%	2.86%	-3.97%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8351	0.49%	0.14%	-2.60%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3907	0.72%	-0.20%	-2.37%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2166	0.12%	-2.41%	-6.88%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	947	1.55%	-1.71%	-2.67%		HPG
Than đá	USD/MT	122	-2.98%	-4.13%	-10.79%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	4029	0.55%	-0.27%	-2.26%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

TIN VĨ MÔ: Quốc hội thông qua Luật Đất đai, Luật các Tổ chức tín dụng và 02 Nghị quyết quan trọng

VIỆT NAM:

- Quốc hội: với 432/477 đại biểu có mặt (chiếm 87.63% tổng số đại biểu) tán thành đã biểu quyết thông qua Luật Đất đai sửa đổi. Dự thảo Luật mới có nhiều điểm mới có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ đối với việc thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 và cả nhiệm kỳ mà còn có ý nghĩa căn cơ, chiến lược, lâu dài, là minh chứng cho tinh thần lập pháp vì dân.
- Quốc hội: với tỷ lệ 91.28% tổng số đại biểu tán thành, Luật các TCTD đã được thông qua theo đó hướng đến việc xử lý sở hữu chéo, thao túng Ngân hàng. Đây là dự án luật có nhiều nội dung chuyên sâu, có tác động trực tiếp đến chính sách tài chính, tiền tệ, ổn định kinh tế vĩ mô.
- Quốc hội: thông qua 02 Nghị quyết quan trọng về (1) một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, (2) bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 và bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn cho Tập đoàn điện lực Việt Nam.
- UBND: đề nghị Chính phủ khẩn trương đề xuất các quy định về mức thuế cao hơn đối với người sử dụng nhiều diện tích đất, nhiều nhà ở, đầu cơ đất. Đồng thời giữ quan điểm cần giảm tỷ lệ sở hữu cổ đông là tổ chức tại ngân hàng từ 15% xuống 10% nhằm đa dạng cơ cấu cổ đông, tăng tính đại chúng và hạn chế chi phối, thao túng ngân hàng.
- NHNN: Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của TCTD) Q1/24, dư nợ tín dụng của hệ thống được dự báo tăng 4.4% Q1/24 và tăng 14.2% trong 2024, điều chỉnh tăng 0.4 điểm phần trăm so với mức dự báo 13.8% tại kỳ điều tra trước.
- Bộ xây dựng: Tính đến 31/11/2023, dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đạt hơn 1 triệu tỷ đồng, trong đó chiếm nhiều nhất là dư nợ của các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án phát triển nhà ở và dư nợ đối với đầu tư kinh doanh bất động sản khác.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: Quan chức Fed cho rằng NHTW nên theo cách tiếp cận thận trọng và hệ thống đối với quá trình giảm lãi suất, theo đó Fed có thể hạ lãi suất trong năm nay nếu lạm phát không tăng tốc trở lại.
- Hoa Kỳ: Quốc hội Mỹ thông qua dự luật chi tiêu nhằm ngăn chặn việc chính phủ đóng cửa.
- Hoa Kỳ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của Hoa Kỳ là 187 nghìn thấp hơn so với mức dự kiến là 207 nghìn, trước đó là 202 nghìn.
- Hoa Kỳ: Doanh số bán lẻ (T12/2023) đã tăng 0.6% so với tháng trước, sau mức tăng 0.3% trong tháng 11 và cao hơn dự báo 0.4%. Đây là mức tăng lớn nhất trong ba tháng.
- Trung Quốc: Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 5.2% trong năm 2023 và tỷ lệ thất nghiệp của người trẻ ở mức 14.9%, trước đó tỷ lệ này được ghi nhận ở mức trên 20%.
- Nhật Bản: Tỷ lệ lạm phát hàng năm giảm xuống mức thấp nhất kể từ T07/2022 - xuống 2.6% vào T12/2023 từ mức 2.8% của tháng trước.
- Hàn Quốc: Tổng thống và các quan chức quản lý hàng đầu đã vạch ra những thay đổi chính sách để củng cố thị trường chứng khoán nước này.
- IEA & OPEC: IEA điều chỉnh dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu 2024 lên 1.24 triệu thùng/ngày, tăng 180,000 thùng/ngày. OPEC duy trì dự báo 2.25 triệu thùng/ngày (2024), 1.85 triệu thùng/ngày vào 2025.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- KQKD quý IV của các công ty niêm yết.
- VN-Index phản ứng trước ngưỡng tâm lý 1,200 điểm.
- 22/1, Lãi suất cho vay kỳ hạn 1 và 5 năm Trung Quốc. 23/1, Lãi suất, biên bản chính sách tiền tệ Nhật Bản; chỉ số niềm tin tiêu dùng EU. 24/1, Chỉ số PMI sản xuất và dịch vụ Anh, Nhật, EU, Hoa Kỳ; Lãi suất và báo cáo chính sách tiền tệ NHTW Canada; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 25/1, Lãi suất, biên bản chính sách tiền tệ ECB; GDP công bố lần đầu, tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ. 26/1, CPI Nhật, chỉ số PCE lõi Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
BID	0.08%	5.45
VCB	0.04%	5.41
VHM	0.04%	1.89
MWG	0.10%	1.51
CTG	0.03%	1.47
MSN	0.05%	1.07
HPG	0.02%	0.94
GAS	0.02%	0.91
MBB	0.03%	0.91
GVR	0.04%	0.89

Tổng 20.45

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
SSB	-0.01%	-0.21
SHB	-0.01%	-0.13
BVH	-0.01%	-0.10
GMD	-0.01%	-0.08
VCF	-0.06%	-0.07
VHC	-0.02%	-0.07
SSI	0.00%	-0.06
PGV	-0.01%	-0.06
BCG	-0.05%	-0.06
HNG	-0.03%	-0.05

Tổng -0.89

Khối ngoại mua ròng (HSX+HNX)

Mã	Mua ròng	SHNN
MWG	548.67	8.65
STB	273.21	23.50
HPG	206.76	24.81
VCB	202.85	23.53
VPB	164.33	13.72
VHM	132.60	24.89
BID	124.67	17.17
VCG	101.36	9.70
CTG	56.96	27.20
NLG	47.21	41.66

Tổng 1,858.61

Khối ngoại bán ròng (HSX+HNX)

Mã	Mua ròng	SHNN
VRE	-261.69	33.34
VNM	-220.05	55.16
SSI	-170.32	
FUEVFN	-165.17	
HDG	-116.06	23.36
LPB	-101.23	2.37
ACV	-92.10	3.73
FRT	-88.06	35.50
PVS	-76.41	21.48
DGC	-52.11	16.44

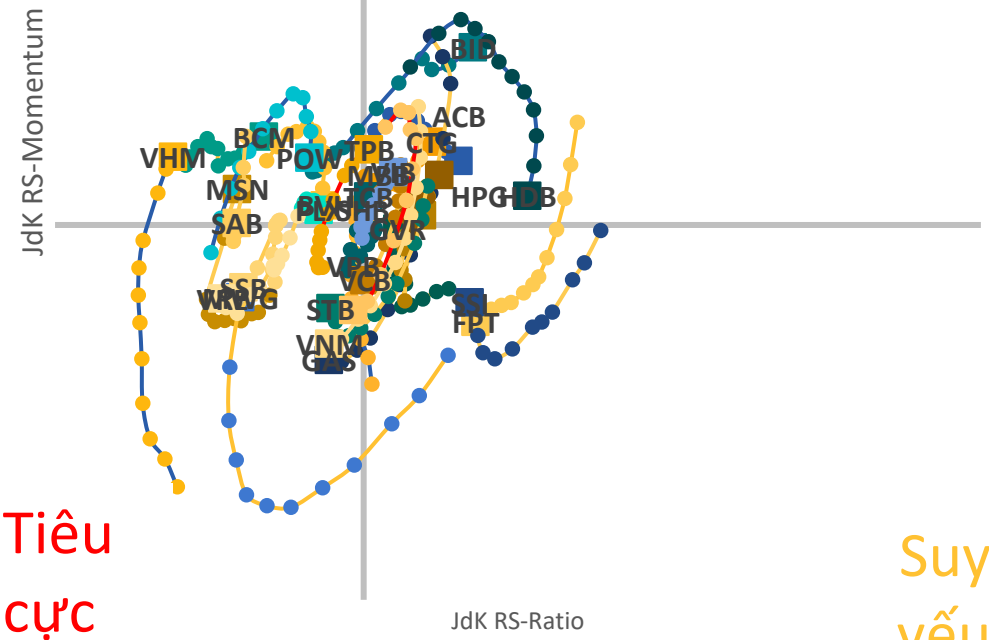
Tổng -1343.20

Vận động cổ phiếu VN30

ACB	106.1716	101.7009
BID	107.0933	104.7337
CTG	104.4326	102.2126
HDB	110.617	100.7721
HPG	103.7992	100.2535
MBB	104.9245	101.3245
TCB	100.3068	100.7543
TPB	100.3646	102.0111
VIB	101.9404	101.4018
BCM	93.55517	102.3532
BVH	97.50248	100.5199
MSN	91.81716	100.9505
PLX	97.10702	100.399
POW	96.49807	101.7918
SAB	91.78184	100.0466
SHB	99.95888	100.393
VHM	87.65404	101.8146
VIC	89.29875	101.1254
FPT	107.266	97.4115
GVR	102.2003	99.8969
SSI	106.8861	97.93324
VCB	100.0615	98.52118
VJC	106.1086	98.53694
GAS	97.75517	96.39431
MWG	92.01354	98.06172
SSB	92.2306	98.33147
STB	97.8713	97.77238
VNM	97.78329	96.82777
VPB	99.33214	97.72171
VRE	90.86043	98.03025

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

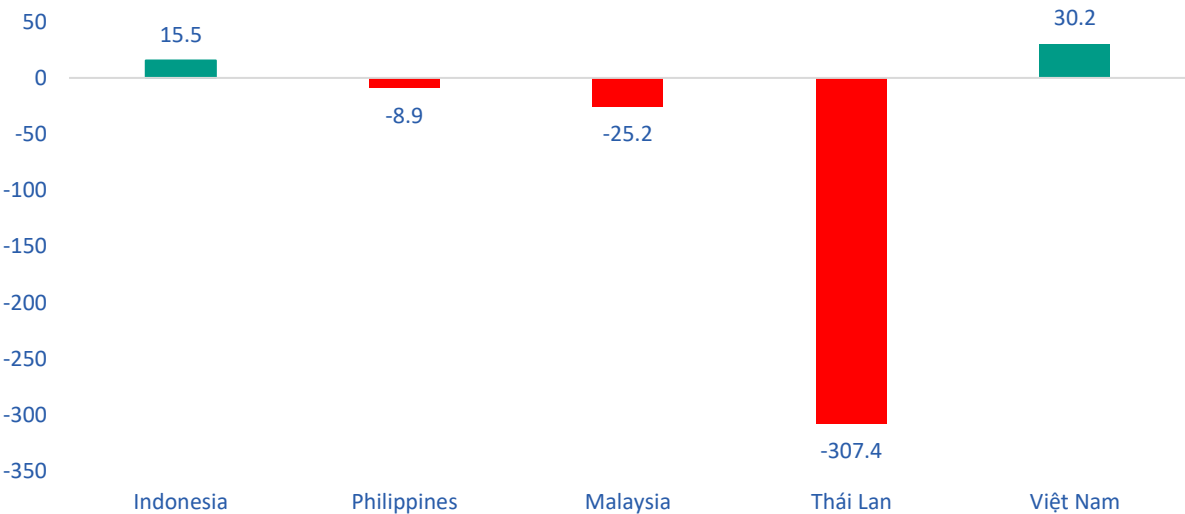
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(295.8)	62.3	62.3	62.3
Indonesia	15.5	406.7	406.7	406.7
Philippines	-8.9	62.9	62.9	62.9
Malaysia	-25.2	67.9	67.9	67.9
Thái Lan	-307.4	-487.9	-487.9	-487.9
Việt Nam	30.2	12.7	12.7	12.7
Các nước khác	(4,362.1)	(2,287.7)	(2,287.7)	(2,287.7)
Hàn Quốc	-430.2	1375.7	1375.7	1375.7
Đài Loan	-1947.2	-1835.6	-1835.6	-1835.6
Ấn Độ	-1981.5	-1823	-1823	-1823
Sri Lanka	(3.20)	(4.80)	(4.80)	(4.80)

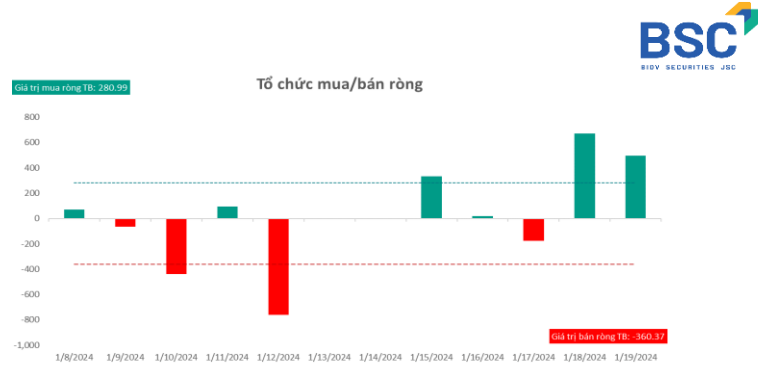
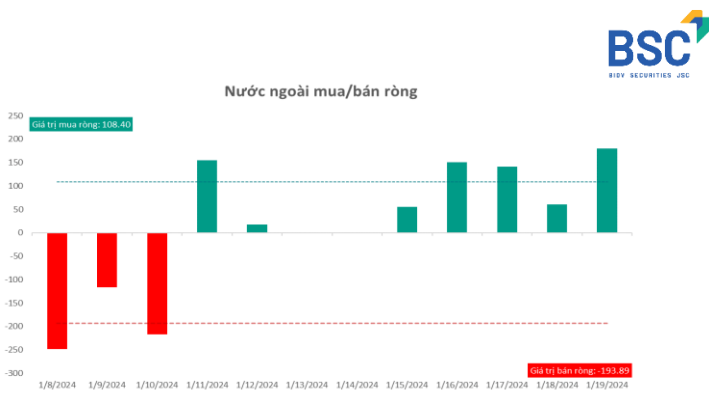
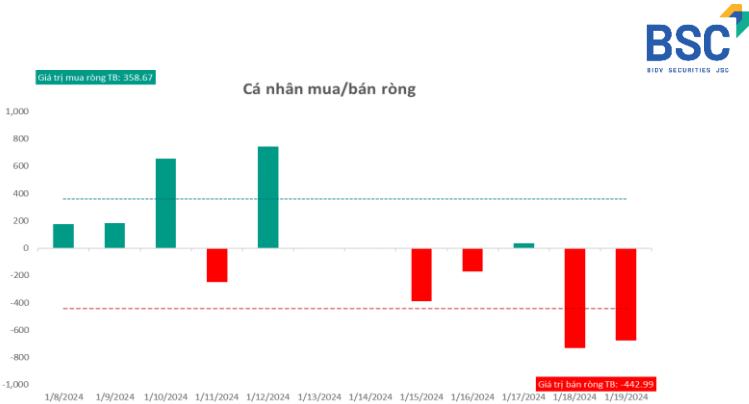


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Oct-23				Nov-23				Dec-23				Jan-24		
	W41	W42	W43	W44	W45	W46	W47	W48	W49	W50	W51	W52	W1	W2	W3
Tổng	2.59	4.50	(1.34)	43.07	4.80	(29.05)	(4.75)	(4.17)	(100.90)	(37.16)	(23.77)	(0.70)	(23.33)	(19.81)	(35.45)
ETF ngoại	18.27	14.35	10.26	40.42	0.18	(6.49)	(4.46)	3.79	(69.82)	(22.18)	(7.54)	4.18	(12.91)	1.59	(17.99)
Fubon	3.14	14.42	11.53	40.42	(1.76)	(14.90)	0.93	0.74	0.75	4.42	8.43	5.28	0.00	0.77	0.00
VNM	0.00	(6.47)	(1.27)	0.00	0.00	0.00	(5.39)	0.00	0.00	(5.42)	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.93)
FTSE	2.15	2.56	0.00	0.00	1.94	0.51	0.00	3.05	0.76	0.00	(2.92)	(1.10)	2.99	0.82	0.00
iShare	12.98	3.84	0.00	0.00	0.00	7.90	0.00	0.00	(71.33)	(21.18)	(13.05)	0.00	(15.90)	0.00	(16.06)
ETF nội	(15.68)	(9.85)	(11.60)	2.65	4.62	(22.56)	(0.29)	(7.96)	(31.08)	(14.98)	(16.23)	(4.88)	(10.42)	(21.40)	(17.46)
Diamond	(11.88)	(6.76)	(2.36)	(3.55)	(0.31)	(0.44)	4.83	0.00	(15.27)	(12.82)	(14.77)	(4.88)	(0.63)	(22.59)	(16.99)
E1	(0.74)	(1.83)	(7.80)	8.05	6.75	(0.55)	0.24	0.15	0.16	(0.31)	0.00	0.00	4.23	0.08	0.00
Finlead	(3.06)	(1.26)	(1.44)	(1.85)	(1.82)	(21.57)	(5.36)	(8.11)	(15.97)	(1.85)	(1.46)	0.00	(14.02)	1.11	(0.47)

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
VIX	11,605,600	200.29	EIB	15,607,400	-302.71	MWG	12,234,443	548.67	VRE	11,172,835	-261.69	VRE	8,819,335	206.55	MWG	12,130,943	-544.90
FUEVFNVD	5,580,200	150.85	AAA	13,598,400	-263.52	STB	9,130,028	273.21	VNM	3,274,273	-220.05	VNM	2,814,473	188.84	STB	14,627,448	-438.44
PNJ	1,184,500	105.22	MWG	940,700	-42.16	HPG	7,452,691	206.76	SSI	5,103,449	-170.32	EIB	7,540,152	142.66	VPB	16,683,478	-329.01
HPG	3,183,100	87.93	CTG	994,864	-31.40	VCB	2,237,880	202.85	FUEVFNVD	6,112,850	-165.17	HDG	4,417,400	112.07	HPG	9,394,491	-260.55
STB	2,556,400	76.94	ST8	1,150,000	-26.12	VPB	8,440,178	164.33	HDG	4,575,000	-116.06	VND	4,770,548	104.70	VCB	2,684,010	-248.08
VCG	2,587,500	64.03	VPB	1,160,900	-22.02	VHM	3,084,716	132.60	LPB	5,896,401	-101.23	LPB	6,025,401	103.45	VIX	12,457,371	-215.58
TCB	1,029,999	35.67	VIB	636,203	-13.81	BID	2,635,712	124.67	FRT	892,320	-88.06	CII	4,985,720	90.07	VCG	8,514,200	-209.04
PVD	1,018,200	28.20	GMD	156,700	-10.82	VCG	4,156,700	101.36	DGC	565,557	-52.11	FRT	867,920	85.63	BID	3,035,070	-143.27
VNM	376,900	25.53	PVT	283,800	-7.61	CTG	1,809,450	56.96	VND	2,343,348	-51.43	SSI	1,941,655	63.59	CTG	4,364,031	-136.46
VIC	501,200	21.74	OCB	459,200	-6.85	NLG	1,224,258	47.21	DCM	1,557,500	-48.58	DCM	2,008,200	62.72	VHM	2,278,916	-98.98

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	92.6	1.60%	0.60	21,124.00	5.60	6,013.00	15.40	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	49.8	4.90%	0.90	11,599.00	6.00	3,887.00	12.80	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	19.7	1.00%	1.10	6,380.00	13.30	1,532.00	12.90	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	35	1.60%	1.10	5,025.00	11.30	4,864.00	7.20	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	22	1.60%	1.10	4,693.00	19.40	3,668.00	6.00	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	30.3	1.70%	1.00	2,332.00	24.00	3,825.00	7.90	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	21.3	0.90%	1.80	3,478.00	1.80	583.00	36.50	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	31.6	0.50%	1.70	988.00	7.00	1,880.00	16.80	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	51.2	1.00%	1.20	690.00	3.20	3,177.00	16.10	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	51.6	0.00%	1.40	944.00	0.80	3,078.00	16.80	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.8	0.50%	1.30	6,598.00	16.90	322.00	86.40	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	43	-0.30%	1.40	7,651.00	9.70	9,468.00	4.50	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	24	1.30%	1.10	2,212.00	6.40	1,818.00	13.10	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	31.4	0.30%	1.30	1,024.00	2.80	1,079.00	29.10	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	39	-0.40%	1.40	612.00	5.30	1,643.00	23.70	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	91.8	-0.40%	1.40	1,423.00	3.90	8,970.00	10.20	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	33	-0.60%	1.20	528.00	2.30	4,017.00	8.20	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	31.4	0.50%	1.40	677.00	2.20	3,050.00	10.30	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	76.7	1.90%	0.70	7,190.00	3.10	5,283.00	14.50	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	34.8	1.00%	0.90	1,807.00	0.80	2,628.00	13.30	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	36.9	-0.50%	0.90	720.00	6.10	1,846.00	20.00	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	27.4	0.00%	1.10	620.00	2.40	780.00	35.00	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.6	1.30%	0.70	1,104.00	2.80	609.00	19.00	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	68	0.90%	0.70	5,801.00	7.30	4,027.00	16.90	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	67.8	2.10%	1.70	3,960.00	9.10	570.00	118.90	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	46	0.40%	1.50	2,749.00	20.10	476.00	96.70	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	88.2	-0.90%	0.80	1,204.00	3.80	5,506.00	16.00	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	64	-0.30%	0.80	586.00	1.50	5,665.00	11.30	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	69.3	-0.10%	0.90	865.00	2.60	7,504.00	9.20	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	96.3	0.70%	0.80	4,992.00	5.90	4,798.00	20.10	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	32.6	3.50%	1.10	7,145.00	18.80	3,773.00	8.60	1.30	297.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	26	1.40%	1.00	4,114.00	13.50	3,838.00	6.80	1.50	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	21	0.70%	0.80	2,473.00	6.10	2,926.00	7.20	1.50	19.70%	23.20%
LPB	Ngân hàng	17.4	0.00%	0.70	1,816.00	3.10	1,412.00	12.30	1.70	2.60%	15.90%
VIB	Ngân hàng	21.1	-1.40%	1.10	2,185.00	3.10	3,499.00	6.00	1.50	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	21.7	-0.90%	1.90	1,079.00	11.70	957.00	22.70	1.70	22.80%	3.80%
TPB	Ngân hàng	18.6	0.80%	1.00	1,671.00	4.30	2,493.00	7.50	1.30	29.70%	19.80%
SSI	chứng khoán	33.7	-0.30%	1.50	2,062.00	30.80	1,342.00	25.10	2.20	43.10%	9.00%
CII	Xây dựng	18.2	-0.30%	1.70	237.00	7.70	368.00	49.70	-4.50	6.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	11.7	0.00%	1.70	-	0.30	458.00	25.60	1.10	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	69	0.60%	1.20	279.00	2.90	1,388.00	49.70	0.80	44.30%	0.80%
HHV	Xây dựng	15.5	-0.60%	1.60	260.00	2.40	1,004.00	15.40	0.70	5.20%	4.20%
LCG	Xây dựng	12	-0.40%	1.40	93.00	1.70	456.00	26.30	0.90	2.10%	3.80%
BCM	KCN	61.2	1.50%	0.70	2,585.00	1.70	432.00	141.80	3.80	1.90%	1.70%
HUT	KCN	19.6	0.00%	1.70	714.00	2.70	54.00	364.70	1.90	0.00%	1.30%
PHR	KCN	49	0.90%	1.30	271.00	0.50	6,566.00	7.50	1.90	15.90%	26.90%
SZC	KCN	37.4	2.80%	1.60	274.00	5.40	1,673.00	22.30	2.70	1.90%	10.90%
HSG	Vật liệu	22.5	-0.20%	1.70	566.00	8.00	49.00	461.90	1.30	21.90%	2.30%
HT1	Vật liệu	12.6	-0.40%	1.30	196.00	0.10	53.00	236.00	1.00	3.10%	1.30%
NKG	Vật liệu	25	-1.00%	1.80	268.00	7.00	(974.00)	-25.60	1.30	15.90%	13.50%
PTB	Vật liệu	57.2	0.90%	0.50	156.00	0.50	4,721.00	12.10	1.40	21.10%	13.40%
KSB	Vật liệu	29.1	-0.70%	1.80	91.00	2.30	1,210.00	24.10	1.10	3.20%	5.80%
NVL	BĐS	16.4	0.60%	1.70	1,305.00	5.70	(309.00)	-53.10	0.90	3.60%	1.90%
DXG	BĐS	19	-1.30%	2.20	557.00	5.90	(456.00)	-41.50	1.30	17.00%	3.40%
HDC	BĐS	31	-1.00%	1.40	171.00	1.40	1,898.00	16.30	2.20	1.30%	16.90%
DIG	BĐS	26.6	-1.50%	1.80	662.00	15.50	182.00	146.40	2.10	5.10%	1.10%
IJC	BĐS	14.6	0.00%	1.50	150.00	0.90	1,398.00	10.40	1.00	6.50%	10.90%
BSR	Dầu khí	18.7	0.50%	1.30	-	4.00	2,493.00	7.50	1.10	0.00%	9.70%
PVT	Dầu khí	26.6	-0.20%	0.90	351.00	3.70	2,926.00	9.10	1.20	12.30%	16.40%
PLC	Vật liệu	31.1	0.30%	1.20	103.00	0.10	1,287.00	24.20	2.00	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	28	0.20%	0.90	136.00	0.70	1,969.00	14.20	1.80	13.70%	13.50%
REE	Tiện ích	56	0.50%	0.60	934.00	0.70	5,879.00	9.50	1.40	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	21.8	0.70%	1.90	756.00	11.90	511.00	42.60	1.50	12.20%	5.40%
NT2	Tiện ích	25.8	0.40%	0.80	303.00	0.70	1,439.00	17.90	1.80	13.50%	16.20%
HDG	Bất động sản	25.6	-1.00%	1.30	320.00	1.80	2,194.00	11.70	1.50	21.10%	16.80%
PC1	Tiện ích	26.9	0.00%	1.40	342.00	1.90	936.00	28.70	1.80	8.40%	5.00%
GEG	Tiện ích	12.8	0.00%	1.00	179.00	0.10	308.00	41.70	1.00	38.00%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.2	-0.10%	2.00	180.00	0.90	(118.00)	-70.20	0.60	1.70%	0.30%
SAB	F&B	61.4	1.50%	0.70	3,214.00	1.80	3,286.00	18.70	3.30	61.70%	18.70%
QNS	F&B	46.3	0.00%	0.50	-	1.70	5,496.00	8.40	2.10	15.40%	24.30%
FRT	Bán lẻ	99.9	0.20%	0.80	556.00	2.50	(1,103.00)	-90.60	8.80	35.80%	11.80%
DGW	Bán lẻ	55.5	0.00%	1.60	378.00	6.00	2,517.00	22.00	3.60	23.20%	21.90%
DBC	F&B	26	-1.00%	1.70	253.00	7.10	(250.00)	-102.50	1.30	3.40%	2.90%
PET	Bán lẻ	26.6	0.20%	1.30	116.00	0.70	735.00	36.30	1.60	0.00%	5.70%
BAF	F&B	26	-0.60%	0.20	152.00	2.20	399.00	65.10	2.10	0.20%	10.20%
ANV	Thủy sản	30.4	-0.30%	1.20	165.00	1.10	1,118.00	27.10	1.50	3.00%	10.00%
VSC	Logistics	20.2	0.20%	1.10	220.00	2.00	1,010.00	20.00	1.00	1.10%	7.90%
HAH	Logistics	38.4	-0.90%	1.40	165.00	2.40	4,676.00	8.20	1.60	4.40%	24.60%
CTR	Công nghệ	91.9	1.70%	0.90	429.00	1.50	4,346.00	21.10	5.80	10.10%	32.10%
TNG	Dệt may	19.4	-3.50%	1.20	90.00	0.90	2,030.00	9.60	1.40	18.60%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

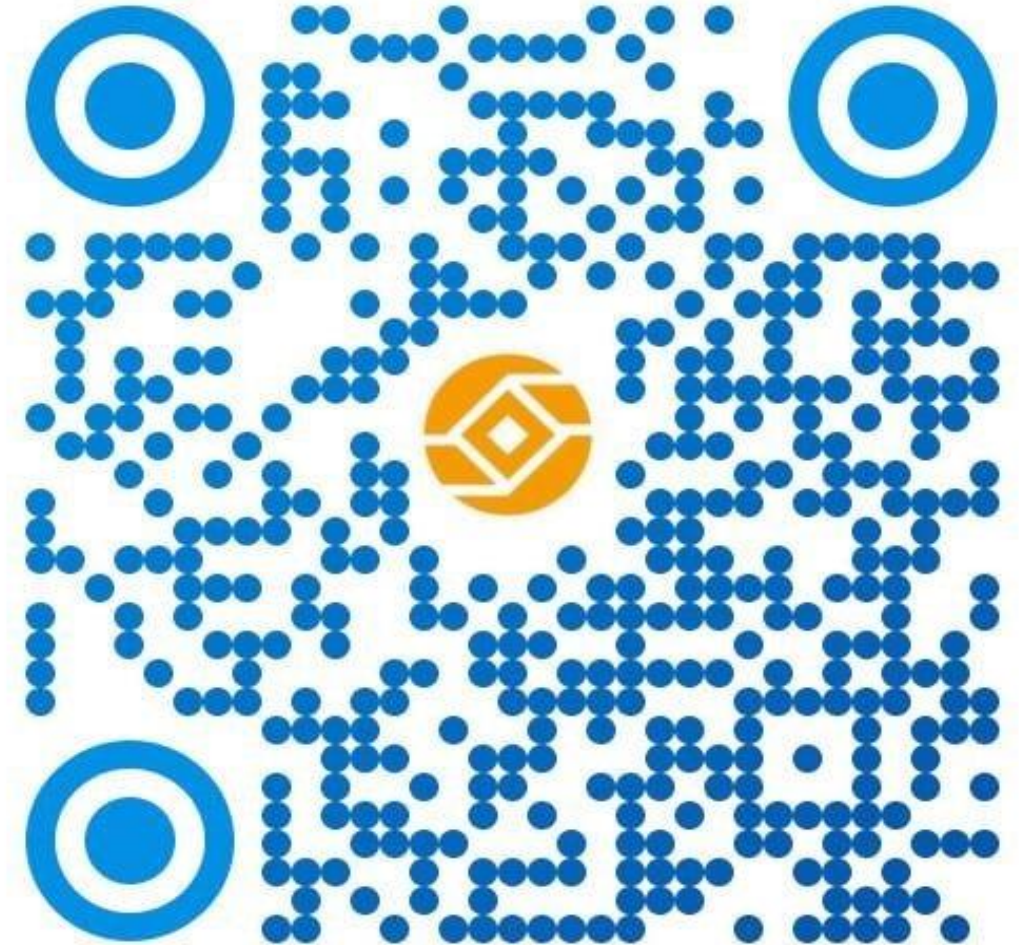
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký